

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2022

Về việc ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Trường Hận.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phạm Thanh Tuyền.

2. Bà Hồ Thị Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/6/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh N, sinh năm 2003; địa chỉ: ấp X, xã Đ, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

**- Bị đơn:** Chị Y, sinh năm 2003; địa chỉ: ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:** Anh chị cưới nhau năm 2019 nhưng không đăng ký kết hôn do chưa đủ tuổi đăng ký, hiện tại có 01 người con chung là T, sinh ngày 31/10/2020, chưa làm khai sinh, chị Y đang trực tiếp nuôi. Do sống không hợp nhau nên đã không còn sống chung với nhau nữa. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh N đồng ý tiếp tục giao con cho chị Y nuôi. Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hằng năm, mỗi

năm 12.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Anh N trình bày không tài sản và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn xin vắng mặt phiên tòa nên không có lời trình bày tại phiên tòa, nhưng tại phiên hòa giải bị đơn trình bày:* Anh chị cưới nhau năm 2019, không đăng ký kết hôn. Có 01 người con chung như anh N trình bày. Nay thống nhất ly hôn, thống nhất nuôi con và nhận cấp dưỡng nuôi con mỗi năm 12.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Y đúng quy định. Anh N và chị Y sống chung năm 2019 nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận anh chị là vợ chồng. Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị về nuôi con và cấp dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh N và chị Y không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu giải quyết ly hôn nên Tòa án thụ lý vụ án giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Năm 2019 anh chị cưới nhau nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình; nay anh chị đều thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh chị. Theo đó, anh N và chị Y không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung là T, sinh ngày 31/10/2020, chị Y đang trực tiếp nuôi. Anh chị thỏa thuận giao con cho chị Y nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về cấp dưỡng: Tại phiên hòa giải anh chị thỏa thuận anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi năm 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), giao tiền vào ngày 15 tháng 12 hằng năm. Bắt đầu thực hiện từ tháng 06/2022 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Tại phiên hòa giải anh N đã thực hiện xong nghĩa vụ cấp dưỡng năm 2022 là 07 tháng số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

[5] Về tài sản và nợ chung: Anh chị trình bày không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[6] Án phí sơ thẩm: Anh N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình, án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, anh N phải chịu án phí hôn nhân không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng không có giá ngạch, do anh chị thỏa thuận mức cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa nên anh N chịu 50% mức án phí cấp dưỡng theo quy định là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm thu. Anh N nộp thêm 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1-** Về hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa anh N và chị Y.

**2-** Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc giao T, sinh ngày 31/10/2020 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trường hợp người trực tiếp nuôi con vi phạm nghĩa vụ hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

**3-** Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc anh N cấp dưỡng nuôi con hằng năm, mỗi năm 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), giao tiền vào ngày 15 tháng 12 hằng năm. Bắt đầu thực hiện từ tháng 06/2022 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Anh N đã thực hiện xong năm 2022.

**4-** Án phí sơ thẩm: Anh N chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005393 ngày 26/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Anh N còn phải nộp thêm 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**5-** Anh N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Y vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Trường Hận**